

## Xác định không gian phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh theo tiếp cận địa lý

Nguyễn Cao Huân<sup>1</sup>, Trần Thị Tuyết<sup>2,1,\*</sup>, Nguyễn Ngọc Khánh<sup>3</sup>, Phạm Mai Phương<sup>4</sup>

<sup>1</sup>*Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN, 334 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam*

<sup>2</sup>*Viện Địa lý Nhân văn, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*

<sup>3</sup>*Viện KHXH vùng Trung Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*

<sup>4</sup>*Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga*

Nhận ngày 08 tháng 01 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 03 tháng 3 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 3 năm 2015

**Tóm tắt:** Lãnh thổ Móng Cái có điều kiện tự nhiên đa dạng và phân hóa phức tạp, bao gồm cả lãnh thổ trên đất liền, trên biển, có cửa khẩu tạo nên tính đặc thù trong khai thác, sử dụng tài nguyên phục vụ phát triển một nền kinh tế tổng hợp. Tuy nhiên, Móng Cái cũng đang đứng trước nhiều thách thức trong tiến trình phát triển, đặc biệt là tìm kiếm các giải pháp nhằm phát huy được lợi thế tiềm năng lãnh thổ, đồng thời giảm thiểu những tác động bất lợi tới môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Vấn đề này có thể được giải quyết một cách hiệu quả hơn khi dựa trên nghiên cứu tổng hợp các điều kiện địa lý, bao gồm địa lý tự nhiên (chú trọng nghiên cứu cảnh quan), địa lý kinh tế-xã hội và địa lý môi trường. Đây là những cơ sở địa lý cho xác định khung không gian phát triển kinh tế gắn với sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường của thành phố Móng Cái.

*Từ khóa:* Xác định không gian, phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, Móng Cái.

### 1. Đặt vấn đề

Móng Cái - thành phố (TP) địa đầu đông bắc của Tổ Quốc, có trên 70 km đường biên giới quốc gia trên bộ, đồng thời tiếp giáp cả phần biển trên vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc, có vị trí quan trọng trong trục kinh tế trọng điểm phía bắc và Quảng Ninh. Tuy nhiên, Móng Cái cũng đang đứng trước nhiều thách thức trong tiến trình phát triển, đặc biệt là tìm kiếm các giải pháp phát huy lợi thế và sử dụng hợp lý tài

nguyên lãnh thổ. Để xây dựng Móng Cái trở thành một động lực phát triển của vùng Đông Bắc và góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác, bảo đảm vùng biên giới hoà bình, hữu nghị cùng phát triển, cần thiết phải có một chiến lược phát triển mang tính tổng thể với những giải pháp hợp lý cho định hướng không gian phát triển kinh tế (PTKT) và bảo vệ môi trường (BVMT). Vấn đề này có thể được giải quyết một cách hiệu quả hơn khi dựa trên nghiên cứu được thực hiện theo tiếp cận địa lý, theo đó cần phản ánh rõ tính hệ thống và tổng hợp, tính tác động tương hỗ, tính không gian và thời gian, tính cụ

\* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-1223322866.  
Email: trantuyet.iesd@gmail.com

thể (Nguyễn Cao Huân, 2004) [1]. Tiếp cận địa lý được vận dụng trong nghiên cứu này, bao gồm nghiên cứu đánh giá tổng hợp các điều kiện địa lý tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội và môi trường theo các đơn vị cảnh quan và các triệu vùng cảnh quan trong một hệ thống. Kết quả nghiên cứu điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên thông qua nghiên cứu cảnh quan như một nguồn lực tự nhiên, một loại tài nguyên không gian chứa đựng một quỹ sinh thái riêng, cho phép xác định các không gian sử dụng hợp lý tài nguyên và BVMT. Các kết quả nghiên cứu địa lý kinh tế - xã hội làm cơ sở xác định các trung tâm, cực phát triển và tuyến trục kinh tế; kết quả nghiên cứu địa lý môi trường làm cơ sở xác định các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác hại của tai biến thiên nhiên.

Trong khuôn khổ thực hiện đề tài Nafosted mã số 105.07-2013.19, các kết quả nghiên cứu, phân tích, đánh giá cảnh quan (CQ), phân tích các nguồn lực kinh tế - xã hội (KTXH) và môi trường (MT) trên quan điểm tổng hợp và hệ thống [1-4] được xem là một trong những cơ sở khoa học của địa lý học (ĐL) nhằm giải quyết tổng thể các mâu thuẫn trong quá trình phát triển và là công cụ hiệu quả giúp các nhà quản lý xác định các không gian sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và BVMT TP Móng Cái.

## 2. Cơ sở tài liệu và phương pháp nghiên cứu

*Cơ sở tài liệu:* Để tiến hành phân tích các điều kiện phát triển của TP Móng Cái các nguồn tài liệu sau đã được sử dụng: (1) Bản đồ địa hình và các bản đồ hợp phần tự nhiên khác ở tỷ lệ 1: 50 000 (Bản đồ địa chất, địa mạo, thổ nhưỡng, thảm thực vật, hiện trạng sử dụng đất); (2) Các tài liệu về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên: địa chất, địa mạo, khí hậu,

thủy văn, sinh vật. Các số liệu thống kê hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội; (2) Các tài liệu khảo sát thực địa về đặc điểm và sự phân hóa điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội TP Móng Cái tại các điểm chìa khóa và theo các tuyến: Tuyến ven biển chạy dọc theo quốc lộ 18, sau đó đi dọc theo đường nối trung tâm Móng Cái ra bán đảo Trà Cổ và tuyến khảo sát khu vực đồi núi phía bắc theo đường tỉnh lộ 4B. Các bản đồ chuyên đề và lát cắt cảnh quan đã xây dựng là cơ sở cho phân tích đặc điểm và tính đặc thù phân hóa lãnh thổ Móng Cái, cùng với kết quả đánh giá cảnh quan là cơ sở để tiến hành xác định không gian phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường TP Móng Cái.

### *Phương pháp nghiên cứu:*

- Phương pháp khảo sát thực địa và xây dựng lát cắt cảnh quan: tiến hành theo các tuyến khảo sát đã được vạch sẵn nhằm xác định cấu trúc của cảnh quan và các trục liên kết kinh tế: Tuyến ven biển chạy dọc theo quốc lộ 18A ra bán đảo Trà Cổ và đảo Vĩnh Thực; Tuyến khảo sát khu vực đồi núi phía bắc và dọc biên giới Việt Trung theo tỉnh lộ 4B. Đồng thời, kiểm tra các tài liệu đã có và bổ sung cho những tư liệu không có trong thống kê, cung cấp những tư liệu giúp cho nhận thức một cách khách quan bản chất của các yếu tố thành tạo lãnh thổ. Tích hợp các kết quả nghiên cứu trong phòng và ngoài thực địa đưa ra những định hướng phù hợp, có cơ sở thực tiễn.

- Phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu, phân tích liên hợp các bản đồ thành phần như địa chất, địa mạo, thổ nhưỡng, hiện trạng sử dụng đất, dữ liệu thống kê kinh tế. Trên cơ sở các tài liệu thu thập, tiến hành chuẩn hóa các số liệu nhằm xây dựng luận cứ, cách tiếp cận nghiên cứu một cách đồng bộ. Đặc biệt, tiến hành chuẩn hóa các tỷ lệ bản đồ thành phần, từ đó xác định ranh giới các đơn vị cảnh quan.

Bản đồ định hướng không gian phát triển kinh tế và BVMT TP Móng Cái được xây dựng dựa trên cơ sở các kết quả phân tích, đánh giá cảnh quan, hiện trạng sử dụng cảnh quan và quy hoạch sử dụng tài nguyên tích hợp với các kết quả phân tích về điều kiện kinh tế - xã hội, môi trường và các mâu thuẫn trong quá trình phát triển.

- Phương pháp bản đồ và hệ thống tin địa lý: Phần mềm Mapinfo 11.5 đã được sử dụng trong nghiên cứu để phân tích và tích hợp các lớp thông tin, phân tích không gian; kết quả được trình bày dưới dạng các bản đồ chuyên đề và bản đồ tổng hợp phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu.

### 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

#### 3.1. Phân tích nguồn lực tự nhiên, kinh tế xã hội và tiềm năng phát triển của lãnh thổ

*Vị trí địa lý và vị thế địa kinh tế, an ninh – quốc phòng*

Móng Cái có vị trí địa kinh tế - chính trị, an ninh - quốc phòng quan trọng đối với tỉnh Quảng Ninh và cả nước. Thành phố có đường biên giới trên đất liền và trên biển với Trung Quốc, có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển một nền kinh tế tổng hợp và đa dạng, đặc biệt là kinh tế cửa khẩu (KTCK) và kinh tế biển.

*Tiềm năng tự nhiên phục vụ phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường*

Địa hình Móng Cái khá đa dạng với 10 dạng địa hình có nguồn gốc khác nhau, trong đó, khoảng 80% diện tích là đồi núi và đất ngập nước ven biển; có tiềm năng về tài nguyên biển, tài nguyên rừng; có tiềm năng lợi thế về đất đai cho phát triển nông, lâm nghiệp, kinh tế cửa khẩu và kinh tế biển.

Khí hậu Móng Cái mang đậm tính nhiệt đới gió mùa với nền nhiệt - ẩm cao của vùng duyên hải Đông Bắc bộ. Có hai mùa rõ rệt: mùa mưa hè thu từ tháng V –X với lượng mưa chiếm khoảng 86% tổng lượng mưa năm, mùa ít mưa từ tháng XI-IV. Nền nhiệt ẩm của khu vực có tính biến động cao do ảnh hưởng của bão về mùa mưa và các đợt gió lạnh dẫn đến sự giảm nhiệt độ vào mùa ít mưa. Mật độ sông ngòi khá dày (0,5-1,0 km/km<sup>2</sup>), lượng nước trong các con sông khá phong phú và phân phối tương đối đều theo không gian. Tổng lượng dòng chảy năm của hai con sông lớn (Ka Long và Bắc Luân) lên tới 1.164 tỷ m<sup>3</sup> nước/năm, có khả năng cung cấp nước tưới cho sản xuất và cấp nước sinh hoạt cho người dân, đồng thời đảm bảo lưu thông linh hoạt giữa các tiểu vùng theo đường thủy.

Đặc điểm thổ nhưỡng và sinh vật ở Móng Cái tạo nên nền vật chất hữu cơ mang đậm nét nhiệt đới gió mùa chịu tác động của thời tiết lạnh mùa ít mưa. Về đất đai, đáng chú ý là nhóm đất đỏ vàng ở phía bắc, chiếm tỷ trọng đáng kể về quy mô và thích hợp cho phát triển nông lâm nghiệp có giá trị hàng hóa, kinh tế cao. Ở phía nam, các loại đất mặn thích hợp cho phát triển nuôi trồng thủy sản - một trong những ngành kinh tế xuất khẩu chính của lãnh thổ. Hạn chế chính trong phát triển sản xuất và đời sống của người dân khi sử dụng tài nguyên đất là thiếu nước vào mùa ít mưa, đặc biệt chưa chủ động con giống trong nuôi trồng thủy sản.

Móng Cái có nguồn tài nguyên rừng với thảm thực vật khá phong phú, ở đây có hệ sinh thái rừng kín thường xanh nhiệt đới mưa mùa tồn tại ở độ cao trên 300m (chiếm diện tích khá lớn) và được bảo tồn trong các khu phòng hộ đầu nguồn và phòng hộ lưu vực hồ. Ở độ cao dưới 300m phân bố các hệ sinh thái cây bụi, trảng cỏ, sinh vật thủy sinh và các loại thảm thực vật nhân tác. Tài nguyên rừng có ý nghĩa

quan trọng trong phát triển kinh tế, đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ sự cân bằng sinh thái, bảo vệ nguồn nước, giảm thiểu lũ lụt cho toàn lãnh thổ.

Các hợp phần tự nhiên kết hợp với các hoạt động nhân sinh từ miền núi xuống đồng bằng và biển đảo ven bờ là các yếu tố chủ yếu thành tạo CQ thành phố Móng Cái. Trên cơ sở kế thừa các hệ thống phân loại và phân vùng cảnh quan của các tác giả trong và ngoài nước, cũng như dựa vào kết quả phân tích các yếu tố thành tạo cảnh quan, cảnh quan khu vực nghiên cứu được xác định trên bản đồ ở tỷ lệ 1:50 000 gồm 6 cấp (1 hệ, 1 phụ hệ, kiểu, 3 lớp, 6 phụ lớp với 40 loại CQ) và 4 TVCQ. Sự phân hóa này phản ánh được tính đặc thù của sự phân hóa tự nhiên của lãnh thổ Móng Cái với tính phân dị theo độ cao của địa hình thoải dần từ tây bắc xuống đông nam, tính đồi núi và tính biển chiếm ưu thế, tính đồng bằng có diện tích nhỏ nhưng ưu thế về vị thế phát triển đô thị và KTCK. Các TVCQ và các đơn vị kiểu loại CQ hàm chứa một tiềm năng không gian và quỹ sinh thái được xem như nguồn lực tự nhiên, làm cơ sở cho xác định không gian phát triển kinh tế và BVMT thành phố Móng Cái.

#### *Nguồn lực kinh tế-xã hội và kết cấu hạ tầng:*

Nguồn lực xã hội của Móng Cái được thể hiện chủ yếu qua nguồn lực con người với dân số đông (92.300 người) và lao động dồi dào (53% tổng dân số), trong đó nguồn lao động trong ngành dịch vụ chiếm ưu thế (51,3%), tiếp theo là ngành nông nghiệp với 36% và công nghiệp - xây dựng chiếm 12,7% năm 2012; nguồn lực chính sách với nhiều cơ chế chính sách ưu đãi dành cho thành phố đã tạo động lực phát triển KTXH của Móng theo hướng “tăng trưởng xanh”.

Thực trạng nguồn lực kinh tế đang có những chuyển biến đúng hướng, nền kinh tế có

bước tăng trưởng nhanh, nhịp độ tăng trưởng bình quân GDP đạt 16,85%/năm. Ngành dịch vụ có xu hướng tăng liên tục từ 68,2% năm 2005 lên 74,8% năm 2012 và luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của thành phố [5]. Tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm từ 17,4% năm 2005 xuống còn 13,1% năm 2012, NTTS vẫn là ngành kinh tế quan trọng và phát triển theo chiều sâu, cung cấp sản phẩm cho nhu cầu nội địa và xuất khẩu (giá trị thủy sản năm 2012 chiếm 66,2%). Kết quả đánh giá tiềm năng phát triển của các ngành kinh tế theo chỉ số chuyên môn hóa LQ [6] đã khẳng định rõ hơn về định hướng không gian ưu tiên phát triển các ngành kinh tế gắn liền với tiềm năng vị thế là cửa ngõ quốc tế của lãnh thổ nghiên cứu. Đồng thời, thể hiện được xu hướng chuyển đổi trong cơ cấu kinh tế ngành của các tiểu vùng cảnh quan.

$$LQ = \left[ \frac{e_i}{e} \right] / \left[ \frac{E_i}{E} \right]$$

Trong đó:

LQ: Chỉ số chuyên môn hóa;

e: Tổng số lao động (LĐ) của tiểu vùng;

$e_i$ : Số lượng LĐ đã qua đào tạo của ngành

$E_i$ : Số lượng LĐ ngành của vùng

E: Tổng số lao động vùng

Thực tế, mỗi TVCQ có các điều kiện và tài nguyên khác nhau nên có những hướng ưu tiên trong khai thác tiềm năng lãnh thổ khác nhau, nhưng hoạt động dịch vụ - công nghiệp sẽ là ngành mang tính chất định hướng và bứt phá kéo theo sự phát triển của các ngành nghề khác.

Thành phố Móng Cái kết nối với các tỉnh, các huyện trong tỉnh, với Trung Quốc theo tuyến đường bộ quốc lộ 18A, tỉnh lộ 341, 335 và đường thủy với cảng sông (cảng Dân Tiên, cảng Thọ Xuân) và cảng biển Vạn Gia, Mũi Ngọc.

### 3.2. Những lợi thế so sánh và khó khăn đối với phát triển thành phố Móng Cái

#### Những lợi thế:

Lợi thế về cơ chế, chính sách: Móng Cái được áp dụng các cơ chế, chính sách, khuyến khích, ưu đãi cao nhất mà Nhà nước ban hành về đầu tư trong và ngoài nước, đầu tư cho khu công nghiệp, khu KTCK (*Quyết định số 99/2009/QĐ-TTg* ngày 29 tháng 7 năm 2009 của TTCP phê duyệt Đề án phát triển thành phố cửa khẩu quốc tế Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020; *Quyết định số 19/2012/QĐ-TTg* đã được ban hành ngày 10 tháng 4 năm 2012 của TTCP về việc thành lập Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.). Hơn nữa, trong chiến lược PTKT Quảng Ninh, Khu Kinh tế cửa khẩu Móng Cái được xem là khâu đột phá để PTKT thương mại, dịch vụ, du lịch lớn thứ hai của tỉnh sau thành phố Hạ Long.

Lợi thế về vị trí địa lý: Thành phố Móng Cái có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, nằm đối diện với thành phố Đông Hưng, Trung Quốc qua cửa khẩu Móng Cái và cửa khẩu Lý Hóa (Đông Hưng) tạo thành một trong những cặp cửa khẩu quốc tế phát triển nhất khu vực biên giới Việt - Trung.

Lợi thế về tài nguyên thiên nhiên: (i) Sự phân hoá tổng hợp các điều kiện tự nhiên thể hiện dưới dạng các TVCQ và các đơn vị phân kiểu CQ từ miền núi xuống đồng bằng và biển đảo ven bờ là cơ sở không gian tạo điều kiện thuận lợi bố trí phát triển liên hoàn các thế mạnh về nông, lâm, ngư nghiệp, du lịch biển và giao thông; (ii) Móng Cái có bãi biển đẹp và nổi tiếng để phát triển du lịch, có vùng biển rộng để phát triển kinh tế biển, khai thác và NTTS phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu; (iii) Tài nguyên rừng và đa dạng sinh học ở Móng Cái luôn giữ vai trò quan trọng trong chiến lược

phát triển KTXH và tổ chức lãnh thổ kinh tế. Nguồn tài nguyên này đã phát huy tác dụng trong việc cung cấp nguồn nguyên liệu cho các ngành kinh tế nông-lâm-ngư nghiệp và du lịch phục vụ cho tiến trình PTBV của địa phương.

Lợi thế về hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở đây luôn được đầu tư phát triển, nhất là mạng lưới giao thông, thủy lợi, điện và bưu chính viễn thông phát triển đồng bộ, đóng vai trò quan trọng tạo mối liên kết vùng nhằm khai thác lợi thế từng tiểu vùng trong thành phố.

Lợi thế về kinh tế cửa khẩu: Móng Cái nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, có cửa khẩu quốc tế và các cửa khẩu tiểu ngạch, nối liền hệ thống giao thông đường bộ và đường biển với các địa phương Trung Quốc. Móng Cái còn là nơi trung chuyển hàng hóa của cả vùng đồng bằng sông Hồng, trung du miền núi phía Bắc, có vai trò thúc đẩy giao lưu giữa các vùng kinh tế động lực trong nước và quốc tế.

#### Một số khó khăn, hạn chế:

Cơ chế, chính sách: (i) Hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch trong khu kinh tế cửa khẩu chưa ổn định, phụ thuộc nhiều vào cơ chế, chính sách không chỉ ở phía Việt Nam mà còn cả phía Trung Quốc. (ii) Sự phân cấp quản lý cửa khẩu thường chồng chéo và không rõ ràng.

Điều kiện tự nhiên và môi trường của lãnh thổ: (i) Diễn biến bất thường của khí hậu với các hiện tượng thời tiết, đặc biệt bão, lũ,...thường xảy ra là những điều kiện hạn chế lĩnh vực sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp, công nghiệp, điểm dân cư ở Móng Cái; (ii) Chịu sự tác động mạnh của thủy triều nên đất dễ nhiễm mặn, nhiễm phèn, khó cải tạo, ảnh hưởng đến hoạt động của các ngành kinh tế, đặc biệt là ngành sản xuất nông nghiệp. Tính mùa của khí hậu đã kéo theo hoạt động của du lịch mang tính mùa vụ không thuận lợi vào mùa đông; (iii) Tài nguyên khoáng sản nghèo về chủng loại, trữ

lượng, phân bố lại không tập trung nên khó khăn để phát triển ngành công nghiệp khai khoáng; (iv) Luân tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường xuyên biên giới trên đất liền và biển.

Cơ sở hạ tầng: (i) Kết cấu hạ tầng của phần lớn các cửa khẩu, đặc biệt là tại các cảng chưa đồng bộ và còn hạn chế đã ảnh hưởng đến khả năng thông quan hàng hóa; (ii) Hệ thống giao thông trên bộ còn nhỏ, hẹp, đường quanh co khá hiểm trở gây khó khăn cho lưu thông hàng hóa.

An ninh, trật tự xã hội: là vùng biên giới nên những bất ổn về an ninh chính trị còn tiềm ẩn các nguy cơ, tệ nạn xã hội,...vẫn còn khá phổ biến.

### 3.3. Xác định không gian phát triển kinh tế gắn với sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường thành phố Móng Cái

*Tính khác biệt:* Đô thị cửa khẩu Móng Cái là một trong những cực phát triển của tỉnh Quảng Ninh và khu vực Bắc Bộ với thế mạnh trong hoạt động thương mại và dịch vụ quốc tế. *Nguồn hàng cung cấp* chủ yếu cho hoạt động thương mại cửa khẩu là từ các cơ sở thương mại, dịch vụ của tỉnh Quảng Ninh và các địa phương khác, đặc biệt là các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng và trung du miền núi phía Bắc và Trung Quốc. Sự PTKT các tiểu vùng chức năng lân cận trong phạm vi TP Móng Cái dựa vào thế mạnh tài nguyên của địa phương: đất, rừng, nước và biển tạo cơ sở hỗ trợ về vật chất, lao động cho sự PTBV đô thị cửa khẩu. Cụ thể: (i) *Tiểu vùng lâm nghiệp* phía bắc cung cấp các sản phẩm lâm sản, đảm bảo bền vững môi trường cho toàn vùng, đặc biệt là điều tiết nguồn nước, chống xói mòn, lũ lụt; (ii) *Tiểu vùng ngập nước ven biển* phía nam Móng Cái hỗ trợ phát triển các ngành kinh tế biển đảm bảo lưu thông trên biển thuận tiện và cung cấp các mặt hàng xuất khẩu thủy - hải sản chủ lực; (iii) *Tiểu vùng cảnh quan đảo Vĩnh Thực* giữ

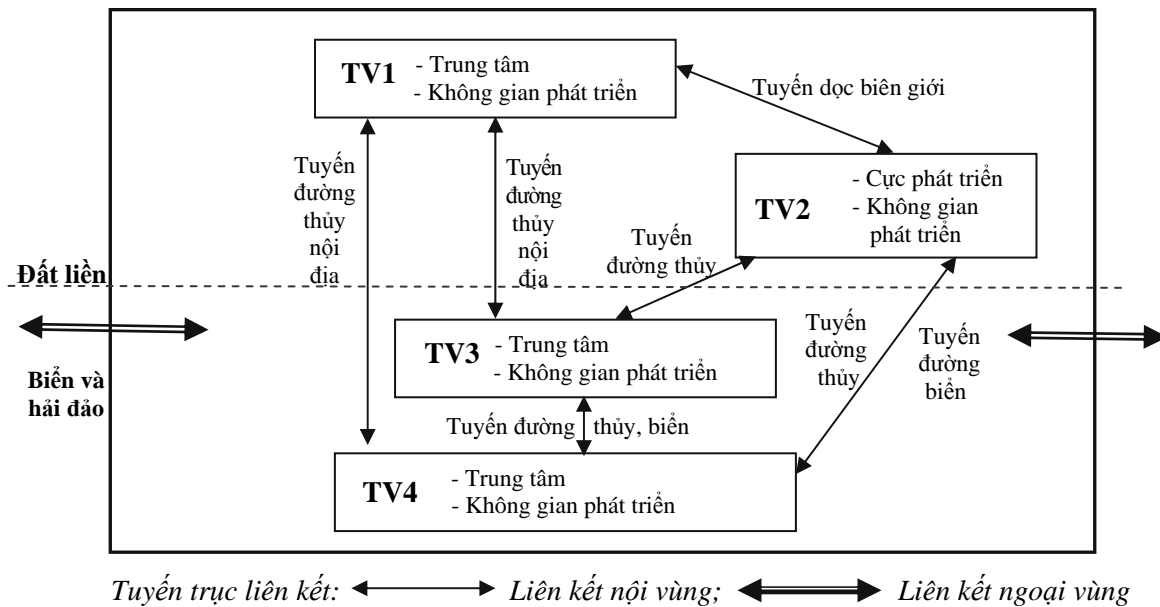
vai trò quan trọng trong đảm bảo an ninh quốc phòng và cảng biển trung chuyển hàng hóa từ cảng Hải Phòng và các vùng khác trong cả nước.

*Một số yêu cầu cơ bản:* (i) *Về kinh tế:* các không gian PTKT phải phù hợp với vị thế kinh tế và tiềm năng phát triển của lãnh thổ, trong đó chú trọng đến các ngành kinh tế cửa khẩu; (ii) *Về xã hội:* đảm bảo an ninh xã hội và quốc phòng; (iii) *Về môi trường:* Bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt là hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn; bảo vệ môi trường nước là nhân tố quyết định đến môi trường sinh thái đô thị của Móng Cái trong quá trình PTBV và hiện đại; sử dụng công nghệ cao trong việc xử lý chất thải đô thị là những nhân tố cơ bản làm giảm thiểu sự ô nhiễm môi trường. Tăng cường kiểm soát để giảm nhẹ các nguy cơ ô nhiễm môi trường xuyên biên giới qua cửa khẩu và biên giới trên biển.

*Xác định không gian phát triển kinh tế với sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:*

Xác định không gian PTKT & BVMT khu vực nghiên cứu cần đảm bảo hài hòa của các cặp quan hệ: (i) Kinh tế và tài nguyên thiên nhiên; (ii) Kinh tế và dân số, lao động; (iii) Môi trường và điều kiện sinh sống của dân cư hướng tới mục tiêu PTBV của từng tiểu vùng và toàn lãnh thổ.

Căn cứ vào kết quả phân tích, đánh giá tiềm năng lãnh thổ cho các ngành kinh tế chính: sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản nước lợ - mặn, du lịch tắm biển, phát triển đô thị và đô thị cửa khẩu cũng như kết quả phân tích so sánh hiện trạng sử dụng lãnh thổ và quy hoạch sử dụng tài nguyên (chủ yếu là quy hoạch sử dụng đất), các vấn đề môi trường nảy sinh, có thể đưa ra khung định hướng không gian phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường TP Móng Cái, gồm các thành phần chính (Hình 1): các tiểu vùng chức năng (TV1, TV2, TV3, TV4) với các cực, trung tâm, các không gian phát triển, các tuyến trục liên kết nội-ngoại vùng.



Hình 1. Sơ đồ khung định hướng không gian phát triển kinh tế và BVMT.

Các tiểu vùng chức năng: mỗi tiểu vùng chức năng có trung tâm phát triển của tiểu vùng và các không gian phát triển sử dụng gắn với BVMT, gồm: (i) Tiểu vùng lâm nghiệp với chức năng phòng hộ và cung cấp nguồn nước; (ii) Tiểu vùng phát triển đô thị-thương mại, dịch vụ cửa khẩu và sản xuất nông nghiệp sinh thái; (iii) Tiểu vùng kinh tế ven biển với loại hình du lịch tắm biển, phát triển giao thông biển, đánh bắt thủy hải sản và bảo vệ, phát triển rừng ngập mặn; (iv) Tiểu vùng kinh tế đảo và an ninh quốc phòng hướng đến phát triển đô thị đảo xanh.

Cực phát triển: có 1 cực phát triển kinh tế - đô thị - thương mại cửa khẩu với quy mô quốc gia và quốc tế, đồng thời cũng là trung tâm của tiểu vùng 2 với vai trò là đầu mối trung chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và cửa ngõ giao lưu chính với các tiểu vùng chức năng khác của lãnh thổ và ngoài lãnh thổ thông qua các tuyến hành lang kinh tế động lực và trục liên kết kinh tế đường bộ và đường biển.

Các tuyến kinh tế động lực và trục trực liên kết kinh tế: Trên cơ sở các tuyến giao thông đã hình thành các tuyến động lực và trục liên kết ngoại vùng và nội vùng với hạt nhân phát triển là trung tâm thành phố Móng Cái và cảng biển Vạn Gia, bao gồm các khu vực động lực: các trung tâm thương mại và khu hợp tác kinh tế cửa khẩu đầu cầu Bắc Luân.

Tuyến kinh tế động lực liên kết ngoại vùng: (i) *Tuyến kinh tế động lực đường quốc lộ 18*: Quốc lộ 18 - trục giao thông huyết mạch đi qua lãnh thổ, trong đó Móng Cái cùng với sân bay Nội Bài, cảng Cái Lân được xác định là các cửa “vào - ra” quan trọng. Tuyến này tạo ra mối liên kết kinh tế giữa các vùng trong tỉnh và ngoài tỉnh, tạo điều kiện cho các tiểu vùng có đường quốc lộ 18 đi qua mở rộng thị trường, thúc đẩy giao lưu kinh tế; (ii) *Tuyến trục liên kết kinh tế dọc biên giới* theo Tỉnh lộ 341 với hệ thống đường xương cá vào trong nội địa gắn với giao thông toàn tuyến dọc biên giới Móng Cái - Bắc Phong Sinh (Hải Hà) - Hoàn Mô (Bình Liêu) - Bắc Cương (Lạng Sơn) với chiều dài 70km,

hình thành chuỗi cửa khẩu của toàn vùng; (iii) *Tuyến trục liên kết ven biển và biển*: Tuyến phát triển du lịch ven biển và tuyến vận tải đường biển.

Tuyến trục liên kết nội vùng được hình thành trên cơ sở đường nối trung tâm các tiểu vùng với các tuyến kinh tế động lực, có chức năng liên kết các xã, phường trong thành phố, đồng thời thúc đẩy thị trường hàng hóa phát triển của các địa phương. Trung tâm của các tuyến trục liên kết là các thị trấn, thị tứ và các cảng sông với vai trò đầu mối vận chuyển hàng hóa và hành khách tới điểm tập kết buôn bán, đồng thời là trung tâm của các tiểu vùng. Đặc biệt, liên kết các vùng nguyên liệu, vùng du lịch với các khu vực trong vùng, đảm bảo vận chuyển linh hoạt, dễ dàng tiếp cận giữa nhà cung cấp, nhà sản xuất và khách du lịch. Liên

kết các tiểu vùng đồi núi phía bắc với tiểu vùng trung tâm nhằm phát huy các tiềm năng cho phát triển, hạn chế chênh lệch giữa các tiểu vùng, đồng thời nâng cao sinh kế của người dân địa phương, góp phần ổn định tình hình chính trị, an ninh quốc phòng thông qua xóa đói giảm nghèo.

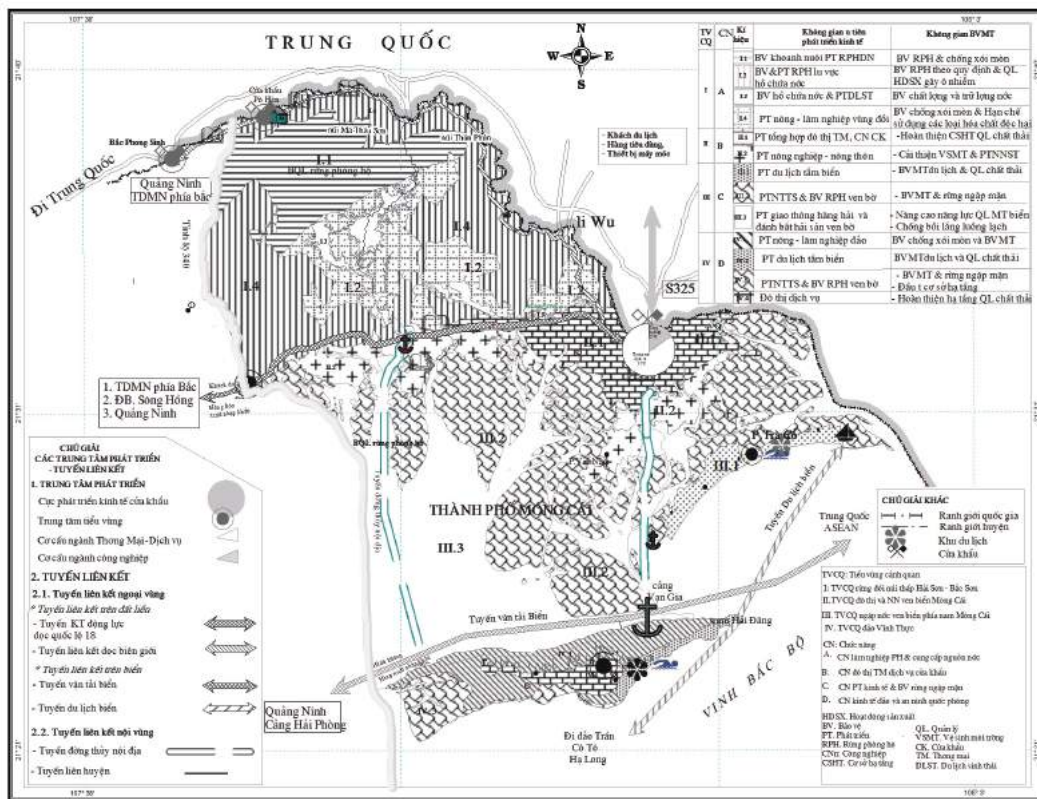
Các không gian ưu tiên PTKT gắn với sử dụng hợp lý tài nguyên và BVMT: Đối với lãnh thổ cấp thành phố Móng Cái, định hướng không gian lãnh thổ PTKT & BVMT, cần đảm bảo các nguyên tắc: (i) Phù hợp với tiềm năng tài nguyên (quỹ sinh thái và tiềm năng không gian); (ii) Đảm bảo khả năng cải thiện môi trường và giảm thiểu tai biến; (iii) Đảm bảo tính bình đẳng, mối liên kết nội vùng và ngoại vùng với các vùng lân cận trong nước và ngoài nước (Trung Quốc).

Bảng 1. Các không gian ưu tiên (KGUT) phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường

TV Ký CQ	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Không gian ưu tiên	
			Phát triển kinh tế	Bảo vệ môi trường
I	I.1	5.091,5	KGUT bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn	- Bảo vệ rừng phòng hộ theo quy định - Chống xói mòn
	I.2	4.695,3	KGUT bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ lưu vực hồ	- Bảo vệ và quản lý rừng phòng hộ - Quản lý các hoạt động sản xuất gây ô nhiễm
	I.3	1.558,1	KGUT bảo vệ hồ chứa nước kết hợp phát triển DLST	Bảo vệ chất lượng nước hồ
	I.4	11.565,1	KGUT phát triển nông – lâm nghiệp vùng đồi	- Bảo vệ, chống xói mòn, hạn chế sử dụng các hóa chất độc hại trong sản xuất
II	II.1	4.270	KGUT phát triển tổng hợp đô thị KT thương mại cửa khẩu	- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và quản lý chất thải đạt tiêu chuẩn Việt Nam
	II.2	3.497,4	KGUT phát triển nông nghiệp – nông thôn	- Cải thiện vệ sinh môi trường nông thôn - Phát triển nông nghiệp sinh thái
III	III.1	1.034,6	KGUT phát triển du lịch biển	- Ưu tiên BVMT du lịch và quản lý chất thải
	III.2	15.208,5	KGUT phát triển NTTS và bảo vệ rừng ngập mặn phòng hộ	- Bảo vệ rừng ngập mặn và MT NTTS - Hạn chế xâm lấn bãi triều
	III.3	12.456	KGUT phát triển giao thông đường thủy và đánh bắt thủy sản	- Nâng cao năng lực quản lý môi trường biển - Chống bồi lắng luồng lạch
IV	IV.1	2.491,3	KGUT phát triển lâm nông nghiệp	- Bảo vệ lớp phủ rừng, chống xói mòn
	IV.2	455,5	KGUT phát triển du lịch biển	- Ưu tiên BVMT du lịch và quản lý chất thải
	IV.3	1.083,2	KGUT phát triển NTTS và bảo vệ rừng ngập mặn phòng hộ	- Bảo vệ rừng ngập mặn và MT NTTS - Hạn chế xâm lấn bãi triều
	IV.4	885,7	KGUT phát triển đô thị dịch vụ đảo	- Cải thiện cơ sở hạ tầng và quản lý chất thải

*Ghi chú:* I – TVCQ rừng đồi núi thấp Hải Sơn – Bắc Sơn; II – TVCQ đô thị và nông nghiệp ven biển Móng Cái; III – TVCQ ngập nước ven biển phía nam Móng Cái; IV – TVCQ đảo Vĩnh Thực.





Hình 2. Bản đồ định hướng không gian PTKT & BVMT thành phố Móng Cái.

Trên cơ sở các nguyên tắc trên kết hợp với kết quả tích hợp phân tích các nguồn lực, lợi thế, thách thức và định hướng phát triển lãnh thổ [5, 7] đã xác định 13 không gian ưu tiên PTKT gắn với sử dụng hợp lý tài nguyên và BVMT phù hợp với từng tiểu vùng. Các hướng chính bao gồm: (i) Ưu tiên khoanh nuôi, bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn; (ii) Ưu tiên bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ lưu vực các hồ chứa nước; (iii) Ưu tiên bảo vệ hồ chứa nước kết hợp phát triển du lịch sinh thái hồ; (iv) Ưu tiên phát triển du lịch biển; (v) Ưu tiên phát triển nông - lâm nghiệp vùng đồi và trên đảo; (vi) Ưu tiên phát triển tổng hợp đô thị - thương mại, công nghiệp cửa khẩu; (vii) Ưu tiên phát triển nông nghiệp - nông thôn; (viii) Ưu tiên phát triển đô thị dịch vụ đảo; (ix) Ưu tiên phát triển nuôi trồng thủy sản và bảo vệ rừng ngập

mặn phòng hộ (ven biển và ven đảo); (x) Ưu tiên phát triển giao thông đường thủy, cảng biển và đánh bắt thủy - hải sản ven bờ (Bảng 1 và Hình 2).

#### 4. Kết luận

1. Lãnh thổ Móng Cái nằm trong khu vực Đông Bắc Việt Nam, bao gồm cả phần lãnh thổ trên đất liền, trên biển, có biên giới, cửa khẩu, có điều kiện tự nhiên, nguồn tài nguyên đa dạng và phong phú, đã tạo nên tính đặc thù trong khai thác, sử dụng lãnh thổ. Đó là sự kết hợp giữa phát triển các ngành kinh tế trên cơ sở khai thác các tài nguyên trên lục địa, chú trọng phát triển kinh tế rừng và kinh tế cửa khẩu với phát triển các ngành kinh tế biển.

2. Dưới tác động tổng hợp của các yếu tố tự nhiên và nhân sinh đã hình thành nên sự đa dạng của cảnh quan Móng Cái với 40 loại CQ và 4 TVCQ. Trong đó, mỗi đơn vị CQ đều hàm chứa nguồn tài nguyên không gian và quỹ sinh thái riêng, là các đơn vị cơ sở để tiến hành xác định không gian PTKT gắn với sử dụng tài nguyên và BVMT TP Móng Cái.

3. Dựa vào kết quả phân tích tổng hợp các điều kiện địa lý với những lợi thế và hạn chế của lãnh thổ đã xác định các tiểu vùng chức năng, cực phát triển, các tuyến trục liên kết và các không gian ưu tiên phát triển theo các tiểu vùng, cụ thể: (1) 4 tiểu vùng chức năng; (2) 1 cực phát triển đô thị cửa khẩu; (3) 4 tuyến liên kết ngoại vùng và các tuyến nội vùng; (4) 13 không gian ưu tiên phát triển theo 10 hướng chính. Các kết quả nghiên cứu trong công trình này có thể là tài liệu tham khảo bổ ích cho việc xem xét và điều chỉnh các hoạt động PTKT gắn với khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên và BVMT cho một thành phố cửa khẩu có biển ở vùng đông bắc của Tổ quốc.

(Bài báo được hoàn thành dưới sự hỗ trợ của đề tài Nafosted 105.07-2013.19).

## Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Cao Huân (2004), “Tiếp cận địa lý trong nghiên cứu phát triển nông thôn miền núi (ví dụ xã Mường Vi, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai)”, Tạp chí Khoa học – Đại học quốc gia Hà Nội, số 4, tr.28-35, Hà Nội.
- [2] Phạm Hoàng Hải, Nguyễn Thượng Hùng, Nguyễn Ngọc Khánh (1997), Cơ sở cảnh quan học của việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường lãnh thổ Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Cao Huân (2004), “Nghiên cứu hoạch định tổ chức không gian phát triển kinh tế và sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường cấp tỉnh, huyện (nghiên cứu mẫu tỉnh Lào Cai)”, Tạp chí Khoa học - Đại học Quốc gia Hà Nội (4), tr. 55-65, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Cao Huân (chủ trì) (2010), Quy hoạch bảo vệ môi trường tổng thể tỉnh Quảng Ninh và các vùng trọng điểm đến 2020, UBND tỉnh Quảng Ninh.
- [5] UBND thành phố Móng Cái (2013), Quy hoạch tổng thể Phát triển kinh tế xã hội Móng Cái đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Tài liệu lưu trữ tại UBND thành phố Móng Cái.
- [6] Thông tư số 34/2009/TT-BXD về Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP về việc Phân loại đô thị.
- [7] UBND thị xã Móng Cái (2009), Đề án phát triển thành phố cửa khẩu quốc tế Móng Cái đến năm 2020, Tài liệu lưu trữ tại UBND thành phố Móng Cái.

# Spatial Planning for Economic Development and Environment Protection of Móng Cái City, Quảng Ninh Province by Geographical Approach

Nguyễn Cao Huân<sup>1</sup>, Trần Thị Tuyết<sup>2,1</sup>, Nguyễn Ngọc Khánh<sup>3</sup>, Phạm Mai Phương<sup>4</sup>

<sup>1</sup>VNU University of Science, 334 Nguyễn Trãi, Hanoi, Vietnam

<sup>2</sup>Institute of Human Geography, VASS

<sup>3</sup>Institute of Social Sciences of the Central Region, VASS

<sup>4</sup>Vietnam - Russia Tropical centre

**Abstract:** Móng Cái has a rich variety of natural resources, with distinguish terrains, including territory of inland, sea and bordergate that have formed typical characteristics in exploiting and using

territory for integrated economic development. However, Móng Cái is also facing challenges in process of development, especially in seeking a way to promote potentials of territory as well as limit negative impacts on environment for sustainable development. To solve above issues, it is necessary to apply an integrated study of geographical conditions, including physical geography (focus on landscape study), socio-economic geography and environmental geography. These are the geographical bases for spatial planning and organization for economic development combined with rational use of natural resources and environmental protection of Móng Cái territory.

*Keywords:* Spatial planning, economic development, environmental protection, Móng Cái.